TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 84/2026/DS-ST Ngày 23-7-2026 V/v tranh chấp hợp đồng đầu tư vốn và hợp đồng mua bán	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Mên;

Bà Phước Thị Kim Huê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thị Vân Khoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2026/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần Đ;

Địa chỉ: Ấp C, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị Thu H, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Lê Anh D, sinh năm 1976 (có mặt);

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1979 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã L, tỉnh Vĩnh Long; theo bản ủy quyền số 72/ĐTV-GUQ ngày 16 tháng 10 năm 2025.

- *Bị đơn:* Bà Hồ Thị Bé N1, sinh năm 1998 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Anh D và ông Nguyễn Văn N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Niên vụ sản xuất mía đường 2017 - 2018, Công ty cổ phần Đ có ký Hợp đồng số: 388/HĐ-ĐTV-NL ngày 08 tháng 6 năm 2017 với bà Hồ Thị Bé N1 về việc đầu tư vốn trồng, chăm sóc và mua bán mía nguyên liệu niên vụ sản xuất 2017 - 2018. Tổng số tiền Công ty đã đầu tư cho bà Hồ Thị Bé N1, mía giống và tiền mặt tổng cộng là 14.880.000 đồng. Công ty đã thu 4.798.801 đồng, còn nợ lại 10.081.199 đồng.

Kể từ ngày 24 tháng 01 năm 2019 đến nay, bà Hồ Thị Bé N1 chưa thanh toán tiền cho Công ty mặc dù Công ty đã đòi nhiều lần. Tính đến ngày xét xử, bà Hồ Thị Bé N1 còn nợ Công ty tổng số tiền là 17.636.241 đồng. Trong đó nợ gốc là 10.081.199 đồng, nợ lãi là 7.555.042 đồng (gồm nợ lãi trong hạn là 1.017.000 đồng tạm tính từ ngày 22 tháng 6 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018, nợ lãi quá hạn là 6.537.762 đồng tạm tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2025).

Nay Công ty Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hồ Thị Bé N1 trả cho Công ty tổng số tiền nợ là 17.636.241 đồng. Trong đó nợ gốc là 10.081.199 đồng, nợ lãi là 7.555.042 đồng. Công ty Đ chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày 30 tháng 9 năm 2025, không yêu cầu tính tiền lãi phát sinh từ sau ngày 30 tháng 9 năm 2025 đến ngày xét xử.

Bà Hồ Thị Bé N1 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hồ Thị Bé N1 cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến hay tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long đã tiến hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên việc hòa giải không thành do bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bà Hồ Thị Bé N1 là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ, không đề nghị triệu tập thêm đương sự, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng đầu tư vốn và hợp đồng mua bán". Bị đơn cư trú tại ấp C, xã L, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Bà Hồ Thị Bé N1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Hồ Thị Bé N1.

[3] Về nội dung: Công ty cổ phần Đ và bà Hồ Thị Bé N1 ký Hợp đồng số: 388/HĐ-ĐTV-NL về Ứng vốn trồng, chăm sóc và mua bán mía nguyên liệu vụ sản xuất 2017 - 2018. Theo nội dung hợp đồng thì Công ty cổ phần Đ cung cấp vốn cho bà Hồ Thị Bé N1 đầu tư trồng mía. Sau khi thu hoạch mía xong bà Hồ Thị Bé N1 có nghĩa vụ bán mía lại cho Công ty cổ phần Đ. Tiền bán mía được trừ vào nợ gốc và lãi. Đối chiếu với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì đây là một hình thức của hợp đồng vay tài sản. Tại khoản 5.2 Điều 5 của hợp đồng quy định nghĩa vụ của bên nhận ứng vốn là "Hoàn trả đầy đủ vốn gốc và lãi vốn vay cho bên A trước khi kết thúc vụ sản xuất". Căn cứ Đơn đề nghị ngày 14 tháng 6 năm 2017 và Phiếu chi ngày 22 tháng 6 năm 2017, Công ty cổ phần Đ đã cung cấp vốn cho bà Hồ Thị Bé N1 tổng cộng 14.880.000 đồng. Căn cứ phiếu thu ngày 30 tháng 6 năm 2018 và phiếu thu ngày 24 tháng 01 năm 2019 thì bà Hồ Thị Bé N1 đã trả cho Công ty cổ phần Đ tổng số tiền nợ gốc và lãi là 7.555.042 đồng. Đến thời điểm hiện tại bà Hồ Thị Bé N1 còn nợ Công ty cổ phần Đ số tiền nợ gốc là 10.081.199 đồng. Đối với bà Hồ Thị Bé N1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng bà Hồ Thị Bé N1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến hay tài liệu, chứng cứ. Điều đó cho thấy bà Hồ Thị Bé N1 không có ý kiến phản đối các yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Đ. Do bà Hồ Thị Bé N1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 bà Hồ Thị Bé N1 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần Đ số tiền nợ gốc là 10.081.199 đồng. Yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Đ là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về tiền lãi chậm trả: Căn cứ khoản 3.2 Điều 3 Hợp đồng số: 388/HĐ-ĐTV-NL ngày 08 tháng 6 năm 2017 các bên đã thỏa thuận "Thời gian tính lãi từ ngày bên B nhận nợ đến ngày trả nợ cho bên A". Khoản 3.5 Điều 3 của Hợp đồng các bên thỏa thuận "Lãi suất trong hạn: được tính bằng lãi suất cho vay bình quân của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh T; Lãi suất cụ thể được áp dụng theo thông báo của bên A; Trường hợp bên B không thanh toán đúng hạn, bên A sẽ tính lãi suất quá hạn kể từ thời điểm kết thúc vụ sản xuất 2017 - 2018, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn". Hội đồng xét xử xét thấy việc Công ty Đ thỏa thuận lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 468 và Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Đ trình bày mức lãi suất các bên thỏa thuận là 0,75 %/tháng và có thông báo cho bà Hồ Thị Bé N1 biết mức lãi này. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, phía Công ty cổ phần Đ không cung cấp chứng cứ chứng

minh mức lãi suất các bên đã thỏa thuận là 0,75%/tháng cũng như chứng cứ chứng minh có thông báo cho bà Hồ Thị Bé N1 về mức lãi suất được áp dụng. Tuy nhiên mức lãi suất 0,75%/tháng mà nguyên đơn trình bày là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với việc Công ty cổ phần Đ chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày 30 tháng 9 năm 2025 mà không yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử là sự tự nguyện của nguyên đơn. Việc thay đổi này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) chấp nhận việc thay đổi này.

[5] Như vậy tổng cộng tiền nợ gốc và lãi bà Hồ Thị Bé N1 phải trả cho Công ty cổ phần Đ là 17.636.241 đồng. Trong đó nợ gốc là 10.081.199 đồng, nợ lãi là 7.555.042 đồng.

[6] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bà Hồ Thị Bé N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 881.812 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Đ. Buộc bà Hồ Thị Bé N1 trả cho Công ty cổ phần Đ số tiền 17.636.241 đồng. Trong đó nợ gốc là 10.081.199 đồng, nợ lãi là 7.555.042 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bà Hồ Thị Bé N1 phải chịu 881.812 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty cổ phần Đ số tiền 440.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0008251 ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Về quyền kháng cáo: Công ty cổ phần Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Hồ Thị Bé N1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8; Điều 34; Điều 36 Điều 71; Điều 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 13 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 13 - Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Anh Khoa